BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NGOẠI NGỮ CHO CÁN BỘ GIẢNG DẠY NĂM 2012

Môn thi: Tiếng Anh

Phòng thi số: 01 (A4-201)

STT	Họ và tên		Đơn vị	Năm sinh	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Giang	An	Khoa Sinh học	1970	
2	Nguyễn Như	An	Khoa Giáo dục	1976	
3	Nguyễn Thị Hoài	An	Khoa Lịch sử	1988	
4	Mai Thế	Anh	Khoa Điện tử Viễn thông	1987	
5	Lê Quốc	Anh	Khoa Công nghệ Thông tin	1986	
6	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Khoa Giáo dục	1977	
7	Đặng Thuý	Anh	Khoa Kinh tế	1982	
8	Dương Thị Vân	Anh	Khoa Lịch sử	1985	
9	Hồ Thị Vân	Anh	Khoa Ngữ văn	1986	
10	Nguyễn Thị Kim	Anh	Khoa Ngoại ngữ	1979	
11	Hồ Thị Diệu	ánh	Khoa Kinh tế	1979	
12	Lê Thị Hoài	Ân	Khoa Luật	1960	
13	Trần Quang	Bách	Khoa Kinh tế	1986	
14	Phạm Thị	Bình	Khoa Giáo dục Chính trị	1971	
15	Dương Trọng	Bình	Khoa Giáo dục Thể chất	1980	
16	Tạ Thị	Bình	Khoa Nông Lâm Ngư	1979	
17	Nguyễn Duy	Bình	Khoa Toán học	1959	
18	Nguyễn Duy	Bình	Viện nghiên cứu VH và NN	1975	
19	Nguyễn Ngọc	Bích	Khoa Toán học	1977	
20	Lê Đình	Công	Khoa Điện tử Viễn thông	1978	
21	Nguyễn Thành	Công	Khoa Vật lý	1975	
22	Hắc Xuân	Cảnh	Khoa Lịch sử	1979	
23	Bùi Thị	Cần	Khoa Giáo dục Chính trị	1980	
24	Tạ Hùng	Cường	Khoa Điện tử Viễn thông	1986	
25	Văn Đình	Cường	Khoa Giáo dục Thể chất	1980	
26	Lê Thế	Cường	Khoa Lịch sử	1979	
27	Nguyễn Hữu	Cường	Khoa Xây dựng	1983	
28	Phạm Thị Hải	Châu	Khoa Giáo dục	1980	
29	Lê Thị Mỹ	Châu	Khoa Hoá học	1983	
30	Lê Văn	Chương	Khoa Điện tử Viễn thông	1985	
31	Hồ Viết	Chương	Khoa Xây dựng	1980	
32	Trần Phương	Chi	Khoa Hoá học	1985	
33	Kiều Phương	Chi	Khoa Toán học	1979	
34	Phạm Vũ	Chung	Khoa Địa lý	1977	
35	Phạm Xuân	Chung	Khoa Toán học	1977	
36	Nguyễn Văn	Đại	Khoa Luật	1986	
37	Phạm Tiến	Đông	Khoa Lịch sử	1983	
38	Nguyễn Văn	Đức	Khoa Toán học	1981	
39	Lê Văn	Dương	Khoa Ngữ văn	1954	
40	Nguyễn Đức	Diện	Khoa Sinh học	1979	
41	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	Khoa Toán học	1982	
42	Nguyễn Thanh	Diệu	Khoa Toán học	1978	

43	Đoàn Quang	Dũng	Khoa Giáo dục Quốc phòng	1987	
44	Nguyễn Xuân	Dũng	Khoa Hoá học	1975	
45	Võ Công	Dũng	Khoa Hoá học	1980	
46	Nguyễn Hoàng	Dũng	Khoa Kinh tế	1980	
47	Nguyễn Tiến	Dũng	Khoa Vật lý	1979	
48	Nguyễn Duy	Duẩn	Khoa Xây dựng	1985	
49	Nguyễn Thị Thuỳ	Dung	Khoa Luật	1988	
50	Phạm Mỹ	Dung	Khoa Nông Lâm Ngư	1981	
51	Cao Thị	Dung	Khoa Nông Lâm Ngư	1985	
52	Nguyễn Thị Hạnh	Duyên	Khoa Kinh tế	1981	
53	Hồ Thị	Duyên	Khoa Luật	1984	
54	Trần Thị	Gái	Khoa Sinh học	1986	
55	Dương Xuân	Giáp	Khoa Toán học	1984	
56	Lê Đức	Giang	Khoa Hoá học	1976	
57	Đinh Thị Trường	Giang	Khoa Hoá học	1976	
58	Trương Thị Bình	Giang	Khoa Hoá học	1987	
59	Nguyễn Thị Anh	Giang	Khoa Kinh tế	1986	
60	Nguyễn Thị Lam	Giang	Khoa Ngoại ngữ	1980	
61	Phạm Thị Lương	Giang	Khoa Ngoại ngữ	1982	
62	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Khoa Giáo dục	1981	
63	Phạm Thị Thuý	Hằng	Khoa Kinh tế	1983	
64	Trịnh Thị	Hằng	Khoa Luật	1989	
65	Đoàn Thị Ngọc	Hân	Khoa Kinh tế	1988	
66	Phạm Thị	Hương	Khoa Sinh học	1982	
67	Trần Thị Ngân	Hà	Khoa Địa lý	1981	
68	Nguyễn Thị Việt	Hà	Khoa Địa lý	1982	
69	Võ Thị Thu	Hà	Khoa Địa lý	1987	
70	Phan THị Thuý	Hà	Khoa Lịch sử	1984	
71	Nguyễn Thị	Hà	Khoa Luật	1986	
72	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Khoa Ngữ văn	1979	
73	Lê Thị Thuý	Hà	Khoa Sinh học	1970	
74	Đào Thị Thanh	Hà	Khoa Toán học	1972	
75	Nguyễn Trọng	Hà	Khoa Xây dựng	1980	
76	Nguyễn Hoàng	Hào	Khoa Hoá học	1984	
77	Trần Văn	Hào	Khoa Kinh tế	1979	
78	Hồ Thị	Hải	Khoa Luật	1988	
79	Lê Minh	Hải	Khoa Nông Lâm Ngư	1979	
80	Lê Thanh	Hải	Khoa Xây dựng	1979	
81	Đinh Thị Kim	Hảo	Khoa Sinh học	1985	
82	Nguyễn Thị Thu	Hạnh	Khoa Giáo dục	1980	
83	Lê Hồng	Hạnh	Khoa Luật	1987	
84	Lê Thị Tuyết	Hạnh	Khoa Ngoại ngữ	1981	
85	Phạm Thị Thuý	Hồng	Khoa Giáo dục Chính trị	1984	
86	Nguyễn Thị Tuyết	Hồng	Khoa Ngoại ngữ	1980	
87	Nguyễn Tiến	Hồng	Khoa Xây dựng	1987	
88	Nguyễn Bùi	Hậu	Khoa Công nghệ Thông tin	1989	
89	Bùi Văn	Hùng	Khoa Giáo dục	1981	
90	Trần Ngọc	Hùng	Khoa Nông Lâm Ngư	1966	

(Danh sách trên gồm có 90 người)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NGOẠI NGỮ CHO CÁN BỘ GIẢNG DẠY NĂM 2012

Môn thi: Tiếng Anh

Phòng thi số: 02 (A4-202)

STT	Họ và tên		Đơn vị	Năm sinh	Ghi chú
1	Vũ Xuân	Hùng	Khoa Xây dựng	1979	
2	Trần Mạnh	Hùng	Trường THPT Chuyên	1972	
3	Hoàng Mạnh	Hùng	Trung tâm Đào tạo từ xa	1957	
4	Nguyễn Thị Bích	Hiền	Khoa Hoá học	1975	
5	Nguyễn Hữu	Hiền	Khoa Nông Lâm Ngư	1982	
6	Phan Thị Thu	Hiền	Khoa Nông Lâm Ngư	1982	
7	Nguyễn Thị Bích	Hiền	Khoa Ngoại ngữ	1980	
8	Lê Thị Thanh	Hiếu	Khoa Giáo dục Chính trị	1988	
9	Lê Duy	Hiếu	Khoa Giáo dục Quốc phòng	1984	
10	Nguyễn Thị Thanh	Hiếu	Khoa Ngữ văn	1982	
11	Nguyễn Văn	Hoá	Khoa Xây dựng	1987	
12	Nguyễn Thị Thanh	Hoà	Khoa Kinh tế	1981	
13	Nguyễn Trung	Hoà	Khoa Xây dựng	1980	
14	Nguyễn Trung	Hoà	Trung tâm Công nghệ Thông tin	1957	
15	Nguyễn Thị	Hoài	Khoa Địa lý	1978	
16	Trương Thị	Hoài	Khoa Kinh tế	1988	
17	Ngô Thị Thu	Hoài	Khoa Luật	1986	
18	Nguyễn Văn	Hoàn	Khoa Nông Lâm Ngư	1982	
19	Nguyễn Minh	Hoàng	Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm	1977	
20	Ngũ Thị Như	Hoa	Khoa Luật	1987	
21	Phan Thị Minh	Huyền	Khoa Hoá học	1980	
22	Hoàng Thị Thanh	Huyền	Khoa Kinh tế	1985	
23	Nguyễn Thanh	Huyền	Khoa Kinh tế	1989	
24	Đinh phan	Khôi	Phòng Hợp tác Quốc tế	1971	
25	Nguyễn Thị Hiền	Lương	Khoa Ngoại ngữ	1979	
26	Phạm Thị Hiền	Lương	Khoa Xây dựng	1982	
27	Nguyễn Thị	Lành	Khoa Ngoại ngữ	1978	
28	Vũ Thị Phương	Lê	Khoa Giáo dục Chính trị	1975	
29	Nguyễn Thị Mai	Lê	Khoa Kinh tế	1987	
30	Thái Thị Ngọc	Lam	Khoa Nông Lâm Ngư	1986	
31	Nguyễn Thanh	Lam	Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm	1980	
32	Chu Văn	Lanh	Khoa Vật lý	1977	
33	Đinh Văn	Liêm	Khoa Luật	1984	
34	Chế Thị Hải	Linh	Khoa Giáo dục	1988	
35	Ngô Khánh	Linh	Khoa Kinh tế	1988	
36	Đặng Thị Phương	Linh	Khoa Luật	1988	
37	Trần Viết	Linh	Khoa Xây dựng		
38	Phạm Thị Thuý	Liễu	Khoa Luật	1980	
39	Nguyễn Thị	Loan	Khoa Giáo dục Thể chất	1987	
40	Đào Thị	Loan	Khoa Kinh tế	1987	
41	Nguyễn Thị Hồng	Loan	Khoa Toán học	1974	
42	Trần Ngọc	Long	Khoa Xây dựng	1977	
43	Phan Văn	Long	Khoa Xây dựng		
44	Đăng	Lưu	Khoa Ngữ văn	1960	

45	Mai Văn	Lưu	Khoa Vật lý	1975	
46	Võ Thị Cẩm	Ly	Khoa Lịch sử	1978	
47	Mạnh Thiên	Lý	Khoa Công nghệ Thông tin	1984	
48	Lê Thị Hải	Lý	Khoa Lịch sử	1985	
49	Lê Vũ Sao	Mai	Khoa Kinh tế	1983	
50	Võ Thị Anh	Mai	Khoa Lịch sử	1986	
51	Hoàng Thị	Mai	Khoa Nông Lâm Ngư	1986	
52	Bùi Thị Thanh	Mai	Khoa Ngoại ngữ	1981	
53	Nguyễn Thị	Minh	Khoa Điện tử Viễn thông	1980	
54	Lương Ngọc	Minh	Khoa Điện tử Viễn thông	1986	
55	Trương Thị	Minh	Khoa Ngoại ngữ	1977	
56	Phạm Trà	My	Khoa Công nghệ Thông tin	1988	
57	Phan Lê	Na	Khoa Công nghệ Thông tin	1964	
58	Đặng Thị Lê	Na	Khoa Giáo dục	1982	
59	Trần Thị Lê	Na	Khoa Kinh tế	1983	
60	Lê Trần	Nam	Khoa Điện tử Viễn thông	1985	
61	Nguyễn Hoài	Nam	Khoa Kinh tế	1981	
62	Phùng Văn	Nam	Khoa Lịch sử	1979	
63	Nguyễn Cẩn	Ngôn	Khoa Xây dựng	1981	
64	Lê Thị Kiều	Nga	Khoa Điện tử Viễn thông	1980	
65	Nguyễn Thị	Nga	Khoa Giáo dục Chính trị	1986	
66	Mai Thị Thanh	Nga	Khoa Lịch sử	1979	
67	Hồ Thị	Nga	Khoa Luật	1984	
68	Ngô Thị Quỳnh	Nga	Khoa Ngữ văn	1983	
69	Nguyễn Phúc	Ngọc	Khoa Điện tử Viễn thông	1978	
70	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Khoa Hoá học	1977	
71	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Khoa Luật	1986	
72	Cao Thành	Nghĩa	Khoa Điện tử Viễn thông	1980	
73	Nguyễn Công	Nhật	Khoa Công nghệ Thông tin	1980	
74	Nguyễn Thị	Nhị	Khoa Vật lý	1976	
75	Nguyễn Thị Phương	Nhung	Khoa Giáo dục	1981	
76	Nguyễn Thị Phương	Nhung	Khoa Giáo dục	1984	
77	Hồ Thị	Nhung	Khoa Nông Lâm Ngư	1986	
78	Phạm Thị	Oanh	Khoa Lịch sử	1985	
79	Thân Thị Kim	Oanh	Khoa Luật	1985	
80	Phan Nữ Hiền	Oanh	Khoa Luật	1987	
81	Đặng Hoàng	Oanh	Khoa Ngữ văn	1986	
82	Phan Văn	Phúc	Khoa Xây dựng		
83	Hồ Sỹ	Phương	Khoa Điện tử Viễn thông	1986	
84	Trần Thị Mai	Phương	Khoa Địa lý	1980	
85	Nguyễn Thị Minh	Phương	Khoa Sinh học	1983	
86	Nguyễn Đình	Phi	Khoa Giáo dục Quốc phòng	1988	
87	Nguyễn Thị Minh	Phượng	Khoa Kinh tế	1978	
88	Nguyễn Văn	Phú	Khoa Vật lý	1972	
89	Phan Anh	Phong	Khoa Công nghệ Thông tin		
90	Lê Thị Hồ	Quang	Khoa Ngữ văn	1974	
91	Nguyễn Văn	Quang	Khoa Xây dựng	1984	
92	Nguyễn Anh	Quỳnh	Khoa Điện tử Viễn thông	1983	
93	Bùi Thị Phương	Quỳnh	Khoa Luật	1984	

(Danh sách trên gồm có 93 người)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NGOẠI NGỮ CHO CÁN BỘ GIẢNG DẠY NĂM 2012

Môn Thi Tiếng Anh

Phòng thi số: 03 (A4-101)

STT	Họ và tên		Đơn vị	Năm sinh	Ghi chú
1	Phạm Thị Như	Quỳnh	Khoa Sinh học	1979	
2	Nguyễn Thị	Quỳnh	Khoa Xây dựng	1989	
3	Đặng Thái	Sơn	Khoa Điện tử Viễn thông	1981	
4	Cao Thanh	Sơn	Khoa Công nghệ Thông tin	1978	
5	Nguyễn Thái	Sơn	Khoa Giáo dục Chính trị	1969	
6	Đoàn Hoài	Sơn	Khoa Vật lý	1968	
7	Phạm Hồng	Sơn	Khoa Xây dựng	1977	
8	Lê Xuân	Sơn	Trường THPT Chuyên	1972	
9	Nguyễn Thanh	Sơn	Trung tâm CNTT	1980	
10	Nguyễn Thị Minh	Tâm	Khoa Công nghệ Thông tin	1980	
11	Lê Thế	Tâm	Khoa Hoá học	1984	
12	Trần Thị Thanh	Tâm	Khoa Kinh tế	1987	
13	Trần Vũ	Tài	Khoa Lịch sử	1975	
14	Lê Văn	Tấn	Trung tâm Công nghệ Thông tin	1978	
15	Nguyễn Thế	Tiến	Khoa Giáo dục Quốc phòng	1987	
16	Nguyễn Đình	Tiến	Khoa Kinh tế	1987	
17	Nguyễn Thị	Tiếng	Khoa Nông Lâm Ngư	1981	
18	Dương Đình	Tú	Khoa Điện tử Viễn thông	1986	
19	Nguyễn Anh	Tú	Khoa Kinh tế	1989	
20	Phạm Mạnh	Toàn	Khoa Điện tử Viễn thông	1979	
21	Nguyễn Tài	Toàn	Khoa Nông Lâm Ngư	1981	
22	Trần Ngọc	Toàn	Khoa Nông Lâm Ngư	1982	
23	Phan Văn	Tuấn	Khoa Giáo dục Chính trị	1983	
24	Nguyễn Văn	Tuấn	Khoa Xây dựng	1988	
25	Trần Thị	Tuyến	Khoa Địa lý	1982	
26	Phan Thị Hồng	Tuyết	Khoa Hoá học	1971	
27	Hoàng Hữu	Tính	Khoa Công nghệ Thông tin	1987	
28	Trần Lê	Thăng	Khoa Luật	1989	
29	Trần Hậu	Thìn	Khoa Nông Lâm Ngư	1979	
30	Nguyễn Quốc	Thơ	Khoa Toán học	1973	
31	Hoàng Thị Cẩm	Thương	Khoa Kinh tế	1987	
32	Võ Thị Hoài	Thương	Khoa Lịch sử	1978	
33	Ông Thị Mai	Thương	Khoa Lịch sử	1985	
34	Lê Văn	Thành	Khoa Công nghệ Thông tin	1985	
35	Nguyễn Tân	Thành	Khoa Hoá học	1983	
36	Trương Thị Phương	Thảo	Khoa Giáo dục Chính trị	1982	
37	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Khoa Luật	1988	
38	Thái Thị Phương	Thảo	Khoa Nông Lâm Ngư	1985	
39	Trần Thị Phương	Thảo	Khoa Ngoại ngữ	1980	
40	Nguyễn Thị	Thảo	Khoa Sinh học	1980	
41	Hoàng Ngọc	Thảo	Khoa Sinh học	1979	
42	Từ Đức	Thảo	Trường THPT Chuyên	1970	

43	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Khoa Nông Lâm Ngư	1981	
44	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Khoa Ngoại ngữ	1978	
45	Đào Quang	Thắng	Khoa Kinh tế	1979	
46	Chu Thị Hà	Thanh	Khoa Giáo dục	1973	
47	Nguyễn Thị	Thanh	Khoa Luật	1983	
48	Nguyễn Thị	Thanh	Khoa Nông Lâm Ngư	1977	
49	Nguyễn Thị	Thanh	Khoa Nông Lâm Ngư	1978	
50	Đặng Như	Thường	Khoa Lịch sử	1980	

(Danh sách trên gồm có 50 người)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NGOẠI NGỮ CHO CÁN BỘ GIẢNG DẠY NĂM 2012

Môn thi: Tiếng Anh

Phòng thi số: 04 (A4-102)

STT	Họ và tên		Đơn vị	Năm sinh	Ghi chú
1	Nguyễn Văn	Thiện	Khoa Giáo dục Chính trị	1960	
2	Phan Huy	Thiện	Khoa Xây dựng	1977	
3	Trần Thị Thanh	Thủy	Khoa Kinh tế	1983	
4	Nguyễn Thị	Thế	Khoa Toán học	1975	
5	Nguyễn Thị Kim	Thu	Khoa Điện tử Viễn thông	1981	
6	Lê Thị	Thu	Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm	1981	
7	Bùi Minh	Thuận	Khoa Lịch sử	1978	
8	Nguyễn Trần	Thuận	Khoa Toán học	1987	
9	Nguyễn Văn	Thuận	Trường THPT Chuyên	1970	
10	Đỗ Thanh	Thuỳ	Khoa Vật lý	1982	
11	Nguyễn Thị Diệu	Thuỳ	Khoa Xây dựng	1988	
12	Thái Mạnh	Thuỷ	Khoa Giáo dục	1978	
13	Nguyễn Thị Bích	Thuỷ	Khoa Kinh tế	1986	
14	Nguyễn Thị Bích	Thuỷ	Khoa Kinh tế	1986	
15	Trần Thị	Thuỷ	Khoa Lịch sử	1983	
16	Nguyễn Thị Bích	Thuỷ	Khoa Lịch sử	1986	
17	Nguyễn Thị Bích	Thuỷ	Khoa Nông Lâm Ngư	1978	
18	Nguyễn Thị Diệu	Thuý	Khoa Kinh tế	1986	
19	Nguyễn Thị	Thuý	Khoa Nông Lâm Ngư	1985	
20	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	Khoa Luật	1987	
21	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	Khoa Ngữ văn	1982	
22	Trần Thị Vân	Trà	Khoa Luật	1983	
23	Nguyễn Thị Mai	Trang	Khoa Luật	1987	
24	Hoàng Văn	Trung	Khoa Hoá học	1982	
25	Cao Tiến	Trung	Khoa Sinh học	1976	
26	Nguyễn Thị	Uyên	Khoa Công nghệ Thông tin	1987	
27	Hoàng Thị Thuý	Vân	Khoa Kinh tế	1986	
28	Trần Thị Thanh	Vân	Khoa Lịch sử	1976	
29	Phan Thị Cẩm	Vân	Khoa Lịch sử	1984	
30	Ngô Thị Mai	Vi	Khoa Nông Lâm Ngư	1981	
31	Võ Thị	Vinh	Khoa Địa lý	1977	
32	Lương Thị Thành	Vinh	Khoa Địa lý	1982	
33	Nguyễn Hồng	Vinh	Khoa Lịch sử	1980	
34	Nguyễn Thị Thuý	Vinh	Khoa Nông Lâm Ngư	1977	
35	Nguyễn Đình	Vinh	Khoa Nông Lâm Ngư	1980	
36	Trường Thị Thành	Vinh	Khoa Nông Lâm Ngư	1984	
37	Đoàn Thế Ngô	Vinh	Khoa Vật lý	1983	
38	Nguyễn Thị Kiều	Vinh	Khoa Xây dựng	1978	
39	Trần Xuân	Vinh	Khoa Xây dựng	1989	
40	Nguyễn Ngọc	Việt	Khoa Giáo dục Thể chất	1963	
41	Hoàng Thị	Việt	Khoa Kinh tế	1988	
42	Nguyễn Thị	Việt	Khoa Sinh học	1985	

43	Phạm Anh	Vũ	Khoa Giáo dục Thể chất	1990	
44	Phạm tuấn	Vũ	Khoa Ngữ văn	1957	
45	Đào Thị Thanh	Xuân	Khoa Hoá học	1979	
46	Nguyễn Đức	Xuân	Khoa Xây dựng	1976	
47	Hồ Thị Hải	Yên	Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm	1980	
48	Hoàng Phan Hải	Yến	Khoa Địa lý	1981	
49	Nguyễn Thị Hải	Yến	Khoa Giáo dục Chính trị	1982	
50	Phạm Thị Kim	Yến	Khoa Kinh tế	1986	
51	Bùi Thuận	Yến	Khoa Luật	1988	

(Danh sách trên gồm có 51 người)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NGOẠI NGỮ CHO CÁN BỘ GIẢNG DẠY NĂM 2012

Môn thi: Tiếng Nga

Phòng thi số: A2-204

STT	Họ và tên		Đơn vị	Năm sinh	Ghi chú
1	Đinh Thế	Định	Khoa Giáo dục Chính trị	1958	
2	Bùi Văn	Hào	Khoa Sử		
3	Phan Quốc	Lâm	Khoa Giáo dục	1958	
4	Trịnh Thị	Mai	Khoa Văn		
5	Đinh Trung	Thành	Phòng Đào tạo Sau đại học	1970	
6	Nguyễn Văn	Trung	Khoa Giáo dục Chính trị	1978	

(Danh sách trên gồm có 06 người)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NGOẠI NGỮ CHO CÁN BỘ GIẢNG DẠY NĂM 2012

Môn thi: Tiếng Trung

Phòng thi số: A3-204

STT	Họ và tên		Đơn vị	Năm sinh	Ghi chú
1	Lê Thị Nam	An	Khoa Giáo dục Chính trị	1980	
2	Nguyễn Thị Khánh	Chi	Khoa Văn	1984	
3	Nguyễn Thị	Hương	Khoa Sử	1977	
4	Dương Thị Thanh	Hải	Khoa Sử	1978	
5	Nguyễn Thị Hoa	Lê	Khoa Văn	1976	
6	Lê Thanh	Nga	Khoa Văn	1976	
7	Biện Thị Quỳnh	Nga	Khoa Văn	1984	
8	Nguyễn Hoài	Nguyên	Khoa Văn	1958	
9	Lê	Sử	Khoa Văn	1978	
10	Hoàng Thị Hải	Yến	Khoa Sử		

(Danh sách trên gồm có 10 người)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NGOẠI NGỮ CHO CÁN BỘ GIẢNG DẠY NĂM 2012

Môn thi: Tiếng Pháp

Phòng thi số: A3-105

STT	Họ và tên		Đơn vị	Năm sinh	Ghi chú
1	Lê Thị Sao	Chi	Khoa Ngữ Văn	1976	
2	Nguyễn Thị Mai	Lan	Khoa Địa lý	1980	
3	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	Khoa Lịch sử	1984	

(Danh sách trên gồm có 03 người)